

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

---

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

**CÔNG BÁO**  
**SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**  
**TẬP B**

\*\*\*

**OFFICIAL GAZETTE**  
**OF INDUSTRIAL PROPERTY**  
**VOLUME B**

3-2008

---

240

---

HÀ NỘI



**MÃ SỐ HAI CHỮ CÁI THỂ HIỆN TÊN NƯỚC VÀ CÁC THỰC THỂ KHÁC TRONG CÁC TƯ LIỆU SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP THEO TIÊU CHUẨN ST3 CỦA WIPO**

AE	United Arab Emirates	CN	China	HK	Hong Kong
AF	Afganistan	CO	Colombia	HN	Honduras
AG	Antihua and Barbuda	CR	Costa Rica	HR	Croatia
AI	Anguilla	CU	Cuba	HT	Haiti
AL	Albania	CV	Cape Verde	HU	Hungary
AN	Netherlands Antilles	CY	Cyprus	ID	Indonesia
AO	Angola	CZ	Czech Republic	IE	Ireland
AR	Argentina	DE	Germany	IL	Israel
AT	Austria	DJ	Djibouti	IN	India
AU	Australia	DK	Denmark	IQ	Iraq
AW	Aruba	DM	Dominica	IR	Iran (Islamic Republic of)
BB	Barbados	DO	Dominican Republic	IS	Iceland
BD	Bangladesh	DZ	Algeria	IT	Italy
BE	Belgium	EC	Ecuador	JM	Jamaica
BF	Burkina Faso	EE	Estonia	JO	Jordan
BG	Bulgaria	EG	Egypt	JP	Japan
BH	Bahrain	ES	Spain	KE	Kenya
BI	Burundi	ET	Ethiopia	KH	Cambodia
BJ	Benin	FI	Finland	KI	Kiribati
BM	Bermuda	FJ	Fiji	KM	Comoros
BN	Brunei Darussalam	FK	Falkand Islands (Malvinas)	KN	Saint Kitts and Nevis
BO	Bolivia	FR	France	KP	Democratic People's Republic of Korea
BR	Brazil	GA	Gabon	KR	Republic of Korea
BS	Bahamas	GB	United Kingdom	KW	Kuwait
BT	Bhutan	GD	Grenada	KY	Cayman Islands
BW	Botswana	GE	Georgia	KZ	Kazakhstan
BY	Belarus	GH	Ghana	LA	Laos
BZ	Belize	GI	Gibraltar	LB	Lebanon
CA	Canada	GM	Gambia	LC	Saint Lucia
CF	Central African Republic	GN	Guinea	LI	Liechtenstein
CG	Congo	GQ	Equatorial Guinea	LK	SriLanka
CH	Switzerland	GR	Greece	LR	Liberia
CI	Côte d'Ivoire	GT	Guatemala	LS	Lesotho
CL	Chile	GW	Guinea-Bissau	LT	Lithuania
CM	Cameroon	GY	Guyana	TC	Turk and Caicos Islands
LU	Luxembourg	PA	Panama	TD	Chad
LV	Latvia	PE	Peru	TG	Togo

LY	Lybya	PG	Papua New Guinea	TH	Thailand
MA	Morocco	PH	Philippines	TN	Tunisia
MC	Monaco	PK	Pakistan	TO	Tonga
MD	Republic of Moldova	PL	Poland	TR	Turkey
MG	Madagascar	PT	Portugal	TT	Trinidad and Tobago
ML	Mali	PY	Paraguay	TV	Tuvalu
MM	Myanmar	QA	Qatar	TW	Taiwan, Province of China
MN	Mongolia	RO	Rumania	TZ	United Republic of Tanzania
MO	Macau	RU	Russian Federation	UA	Ukraine
MR	Mauritania	RW	Rwanda	UG	Uganda
MS	Montserrat	SA	Saudi Arabia	US	United States of America
MT	Malta	SB	Solomon Islands	UY	Uruguay
MU	Mauritius	SC	Seychelles	UZ	Uzbekistan
MV	Maldives	SD	Sudan	VA	Holy see
MW	Malawi	SE	Sweden	VC	Saint Vincent and the Grenadines
MX	Mexico	SG	Singapore	VE	Venezuela
MY	Malaysia	SH	Saint Helena	VG	Virgin Islands (British)
MZ	Mozambique	SL	Slovenia	VN	Vietnam
NA	Namibia	SK	Slovakia	VU	Vanuatu
NE	Niger	SL	Sierra Leone	WS	Samoa
NG	Nigeria	SM	San Marino	YE	Yemen
NJ	Nicaragua	SN	Senegal	YU	Yugoslavia
NL	Netherlands	SO	Somalia	ZA	South Africa
NO	Norway	SR	Suriname	ZM	Zambia
NP	Nepal	ST	Sao Tome and Principe	ZR	Zaire
NR	Nauru	SV	El Sanvador	ZW	Zimbabwe
NZ	New Zealand	SY	Syria		
OM	Oman	SZ	Swaziland		

**CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ**

AO	African Intellectual Property Organization (OAPI)
AP	African Regional Industrial Property Organization (ARIPO)
BX	Benelux Trademark Office and Benelux Designs Office
EP	European Patent Office (EPO)
IB, WO	International Bureau of the World Intellectual Property Organization (WIPO)

## MỤC LỤC

	Trang
<u>PHẦN I</u> : Sáng chế được cấp Bằng độc quyền sáng chế	9
<u>PHẦN II</u> : Giải pháp hữu ích được cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích	42
<u>PHẦN III</u> : Kiểu dáng công nghiệp được cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp	46
<u>PHẦN IV</u> : Nhãn hiệu hàng hoá được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá	115
<u>PHẦN V</u> : Nhãn hiệu hàng hoá được bảo hộ tại Việt Nam theo Thoả ước Madrid	561
<u>PHẦN VI</u> : Sửa đổi, gia hạn, đình chỉ, huỷ bỏ Văn bằng bảo hộ	678
<u>PHẦN VII</u> : Chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp	760
ĐÍNH CHÍNH	797

## CONTENTS

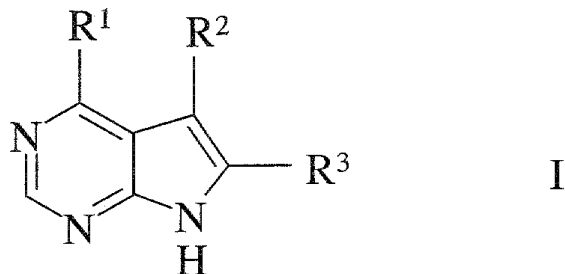
<u>PART I</u> : Invention Patents Granted	9
<u>PART II</u> : Utility Solution Patents Granted	42
<u>PART III</u> : Industrial Design Patents Granted	46
<u>PART IV</u> : Trademark Registrations Issued	115
<u>PART V</u> : International Trademark Registrations Issued	561
<u>PART VI</u> : Amendments, Renewals, Suspensions, cancellation of Protection Titles	678
<u>PART VII</u> : Transfer of Industrial Property Right	760
CORRECTION	797



PHẦN I

SÁNG CHẾ ĐƯỢC CẤP BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

- (11) **1-0006822**
- (15) 31.01.2008 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/519**, A61P 37/00
- (21) 1-2004-00540 (22) 23.11.2000
- (62) 1-2002-00503
- (86) PCT/IB00/01742 23.11.2000 (87) WO01/42246 14.06.2001
- (30) 60/170,179 10.12.1999 US
- (45) 25.03.2008 240 (43) 25.12.2002 177
- (73) PFIZER PRODUCTS INC. (US)  
Eastern Point Road, Groton, Connecticut 06340, United States of America
- (72) Todd Andrew Blumenkopf (US), Mark Edward Flanagan (US), Michael John Munchhof (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) HỖN HỢP CHỨA HỢP CHẤT PYROLO[2,3-D]PYRIMIDIN, DƯỢC PHẨM CHỨA HỖN HỢP NÀY VÀ SỬ DỤNG HỖN HỢP NÀY ĐỂ SẢN XUẤT THUỐC
- (57)



Sáng chế đề cập tới hỗn hợp bao gồm một hoặc nhiều chất chống viêm và hợp chất có công thức (I), trong đó R<sup>1</sup>, R<sup>2</sup> và R<sup>3</sup> là như được xác định trong bản mô tả, có thể được sử dụng trong điều trị dưới dạng chất ức chế miễn dịch đối với tình trạng cấy ghép cơ quan, cấy ghép khác loại, bệnh lupus, bệnh xơ cứng rải rác, viêm đa khớp dạng thấp, bệnh vảy nến, bệnh đái tháo đường Typ I và các biến chứng của bệnh đái tháo đường, bệnh ung thư, bệnh hen, viêm da dị ứng, rối loạn tuyến giáp tự miễn, viêm kết tràng mạn loét, bệnh Crohn, bệnh Alzheimer, bệnh ung thư bạch cầu và các bệnh tự miễn khác.

- |      |                  |                   |                        |
|------|------------------|-------------------|------------------------|
| (11) | <b>1-0006823</b> |                   |                        |
| (15) | 31.01.2008       | (51) <sup>7</sup> | <b>A63F 7/02</b>       |
| (21) | 1-2005-00618     | (22)              | 03.06.2003             |
| (86) | PCT/JP03/007045  | (87)              | WO04/108236 16.12.2004 |
| (45) | 25.03.2008 240   | (43)              | 25.07.2005 208         |

(73) FUJI SHOJI CO. LTD (JP)

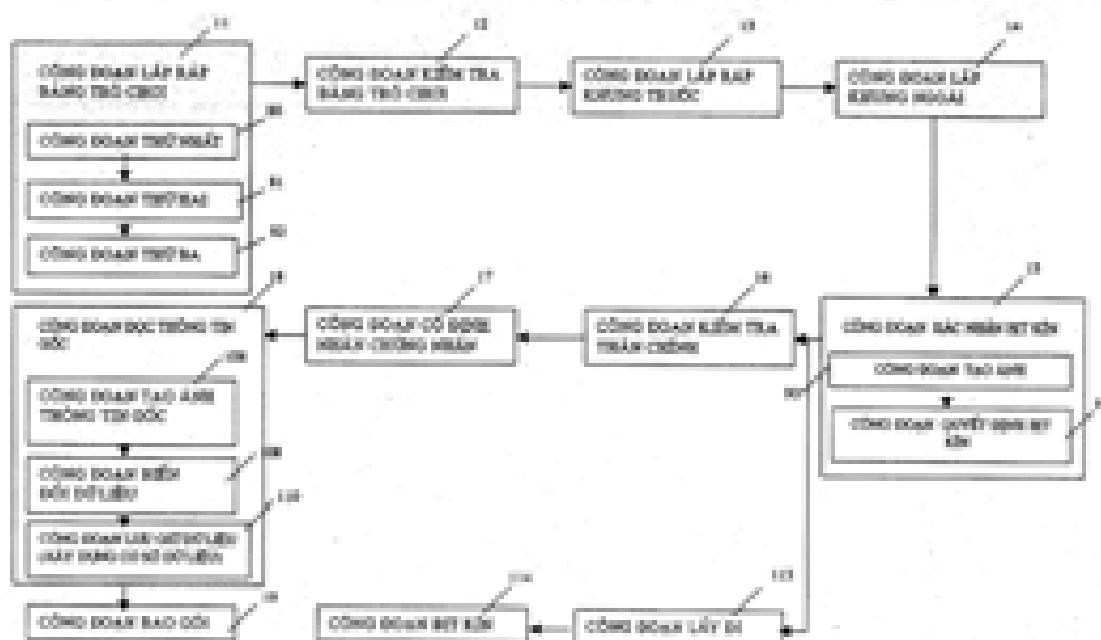
1-4, Uchihonmachi 1-chome, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka 540-0026, Japan

(72) ABE, Koichi (JP)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) **PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA VỎ BẢNG MẠCH MÁY TRÒ CHƠI VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA BẢNG TRÒ CHƠI HOẶC MÁY TRÒ CHƠI**

(57) Sáng chế đề cập tới phương pháp kiểm tra vỏ bảng mạch máy trò chơi, trong đó việc kiểm tra vỏ bảng mạch (39) chứa bảng mạch điều khiển (38) có bộ phận điện tử định trước (47) lắp trên đó được thực hiện nhờ công đoạn xác nhận bịt kín (15) để xác nhận xem vỏ bảng mạch (39) đã được bịt kín bởi phương tiện bịt kín (49, 50) hay chưa, và công đoạn đọc thông tin nhận dạng gốc (18) để đọc thông tin nhận dạng gốc (48) trên bộ phận điện tử (47) chứa trong vỏ bảng mạch (39) sau công đoạn xác nhận bịt kín (15). Nhờ đó, việc đọc thông tin nhận dạng gốc cố định vào bộ phận điện tử trên bảng mạch điều khiển trong vỏ bảng mạch, và việc xác nhận trạng thái bịt kín của vỏ bảng mạch có thể được thực hiện một cách tin cậy, nhờ đó ngăn ngừa các hoạt động gian lận, chẳng hạn việc thay thế bộ phận điện tử bởi bộ phận điện tử mới trong công đoạn kiểm tra và cho bộ phận mới này đọc thông tin nhận dạng gốc gian lận.





- (11) **1-0006824**
- (15) 31.01.2008 (51)<sup>7</sup> **G06T 9/00**, H04N 5/262
- (21) 1-2005-01852 (22) 30.03.2004
- (86) PCT/US04/009491 30.03.2004 (87) WO04/104931 02.12.2005
- (30) 60/470,712 15.05.2003 US
- (45) 25.03.2008 240 (43) 25.05.2006 218
- (73) THOMSON LICENSING (FR)

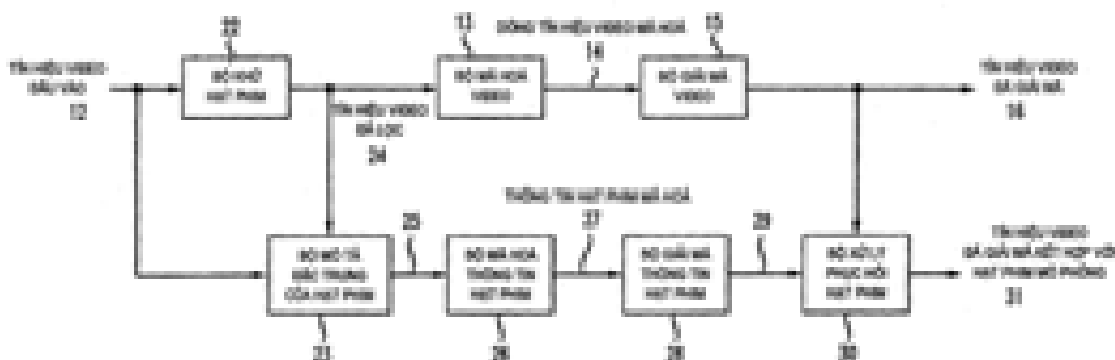
46, Quai A. Le Gallo, F-92100 Boulogne - Billancourt, France

(72) GOMILA, Cristina (ES), KOBILANSKY, Alexander (US)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ TẠO RA HẠT PHIM**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị tạo ra hạt phim. Để mô tả đặc trưng của hạt phim, bộ mô tả đặc trưng của hạt phim (23) thu dòng thông tin đầu vào (12) và dòng thông tin đã lọc (24) mà hạt phim đã được khử bỏ ra khỏi đó. Từ các dòng thông tin này, bộ mô tả đặc trưng của hạt phim (23) đưa ra thông báo chứa ký hiệu nhận dạng của mẫu để mô phỏng hạt, cùng với ít nhất một thông số trong tập hợp gồm một vài thông số, bao gồm các thông số tương quan, các thông số không phụ thuộc vào cường độ và các thông số phụ thuộc vào cường độ dùng cho mẫu đã được nhận dạng. Bộ mã hoá (26, 13) mã hoá thông tin về hạt phim để sau đó truyền đi.



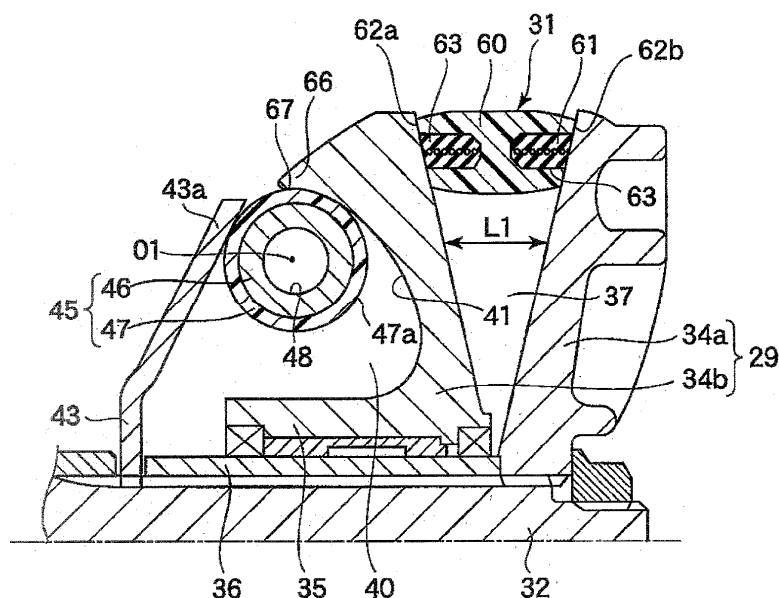
- (11) **1-0006825**  
 (15) 31.01.2008 (51)<sup>7</sup> **F16H 9/18**  
 (21) 1-2006-00901 (22) 04.03.2005  
 (86) PCT/JP05/003727 04.03.2005 (87) WO05/090828 29.09.2005  
 (30) 2004-077826 18.03.2004 JP  
 (45) 25.03.2008 240 (43) 25.09.2006 222  
 (73) YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)  
 2500 Shingai, Iwata-shi, Shizuoka-ken 438-8501, Japan

(72) Yousuke Ishida (JP)

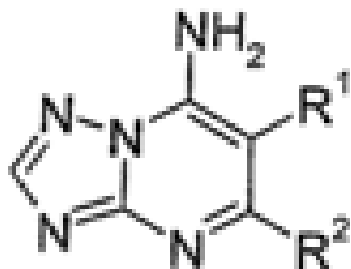
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(54) BỘ TRUYỀN ĐỘNG BIẾN THIÊN LIÊN TỤC DẠNG ĐAI, CỤM CÔNG SUẤT VÀ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG LẮP BỘ TRUYỀN ĐỘNG NÀY VÀ PULI DỪNG CHO BỘ TRUYỀN ĐỘNG BIẾN THIÊN LIÊN TỤC NHƯ VẬY

(57) Sáng chế đề cập đến bộ truyền động biến thiên liên tục dạng đai (15) bao gồm puli sơ cấp (29), puli thứ cấp (30) và đai (31). Puli sơ cấp (29) bao gồm thân puli thứ nhất (34a), thân puli thứ hai (34b) và một rãnh đai (37) mà đai (31) bắt vào được tạo ra giữa thân puli thứ hai này và thân puli thứ nhất (34a), một số khối đẩy (45) làm trượt thân puli thứ hai (34b) theo các lực ly tâm để làm thay đổi chiều rộng của rãnh đai (37) và một số vấu hãm (66) hạn chế các di chuyển của các khối đẩy (45) bằng cách tiếp xúc với các bề mặt ngoài (47a) của các khối đẩy (45) khi thân puli thứ hai (34b) tiếp cận vị trí mà ở đó tỷ số truyền động tối thiểu, trong đó rãnh đai (37) được tạo ra có chiều rộng là nhỏ nhất. Các vấu hãm (66) được tạo hình dạng để tăng tốc sự bào mòn một phần các bề mặt ngoài (47a) của các khối đẩy (45).



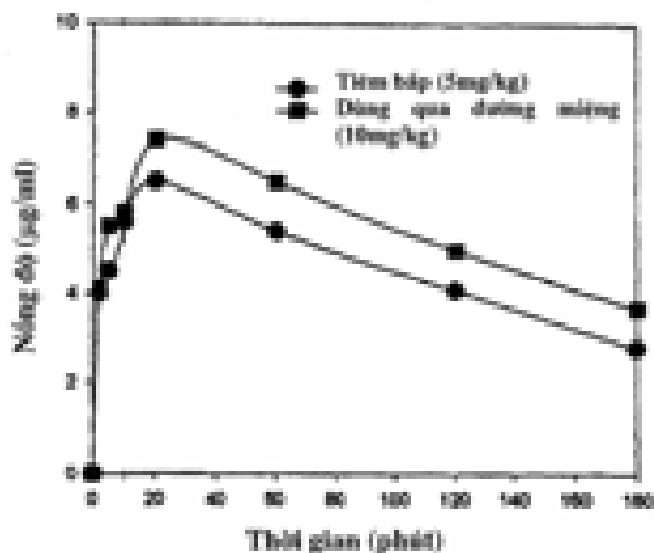
- (11) **1-0006826**
- (15) 31.01.2008 (51)<sup>7</sup> **C07D 487/04**, A01N 43/90
- (21) 1-2006-01556 (22) 08.03.2005
- (86) PCT/EP05/002426 08.03.2005 (87) WO05/087772 22.09.2005
- (30) 102004012018.8 10.03.2004 DE
- (45) 25.03.2008 240 (43) 25.12.2006 225
- (73) BASF AKTIENGESELLSCHAFT (DE)  
67056 Ludwigshafen, Germany
- (72) JORDI TORMO I BLASCO (ES), CARSTEN BLETTNER (DE), BERND MULLER (DE), MARKUS GEWEHR (DE), WASSILIOS GRAMMENOS (GR), THOMAS GROTE (DE), JOACHIM RHEINHEIMER (DE), PETER SCHAFFER (DE), FRANK SCHIEWECK (DE), ANJA SCHWOGLER (DE), OLIVER WAGNER (DE), NIEDENBRUCK, MATTHIAS (DE), MARIA SCHERER (DE), SIEGFRIED STRATHMANN (DE), ULRICH SCHOFL (DE), REINHARD STIERL (DE)
- (74) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)
- (54) HỢP CHẤT 5, 6-DIALKYL-7-AMINOTRIAZOLOPYRIMIDIN, PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ CHÚNG, PHƯƠNG PHÁP PHÒNG TRỪ NẤM GÂY BỆNH THỰC VẬT VÀ CHẾ PHẨM CHỨA CÁC HỢP CHẤT NÀY
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất 5,6-điakyl-7-amino-triazolopyrimidin có công thức I,



trong đó các phần tử thế được định nghĩa như sau: R<sup>1</sup> là alkyl, alkoxyetylen hoặc alkoxyetylen, trong đó các gốc béo có thể được thế theo cách như đã được định nghĩa trong bản mô tả và R<sup>2</sup> là n-propyl hoặc n-butyl. Sáng chế cũng đề cập đến phương pháp điều chế các hợp chất nêu trên, đến các chế phẩm chứa chúng và phương pháp phòng trừ nấm gây bệnh thực vật.

- (11) **1-0006827**
- (15) 31.01.2008 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/496**, A61P 29/00, 1/00
- (21) 1-2003-00547 (22) 02.11.2001
- (86) PCT/EP01/12686 02.11.2001 (87) WO02/39989 23.05.2002
- (30) 00125409.3 20.11.2000 EP
- (45) 25.03.2008 240 (43) 27.10.2003 187
- (73) MERCK PATENT GMBH (DE)  
Frankfurter Strasse 250, 64293 Darmstadt, Germany
- (72) Bartoszyk Gerd (DE), Sedman Ewen (GB)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) SỬ DỤNG CHẤT CHỦ VẬN 5-HT<sub>1A</sub> KẾT HỢP VỚI CHẤT ỨC CHẾ TÁI HẤP THU SEROTONIN CHỌN LỌC ĐỂ BẢO CHẾ DƯỢC PHẨM DÙNG ĐỂ ĐIỀU TRỊ HỘI CHỨNG RUỘT DỄ BỊ KÍCH THÍCH
- (57) Sáng chế đề xuất việc sử dụng chất ức chế tái hấp thu serotonin (5-HT) chọn lọc (SSRI) kết hợp với chất chủ vận thụ thể 5-HT<sub>1A</sub>, cụ thể là hợp chất 1-[4-(5-xyanoindol-3-yl)butyl]-4-(2-carbamoyl-benzofuran-5-yl)-piperazin hoặc muối chấp nhận được về mặt sinh lý của nó hoặc hợp chất 3-{4-[4-(4-xyano-phenyl)-piperazin-1-yl]-butyl}-1H-indol-5-carbonitril hoặc muối chấp nhận được về mặt sinh lý của nó, để bào chế dược phẩm dùng để điều trị chứng đau mãn tính hoặc để điều trị các bệnh khác như chứng tăng nhạy cảm với dấu hiệu đau đớn, chứng tăng cảm đau, chứng đau do rối loạn cảm giác, chứng làm tăng sự nhận thức đau và chứng làm tăng ký ức đau, cũng như để điều trị hội chứng ruột dễ bị kích thích (IBS).

- (11) **1-0006828**
- (15) 31.01.2008 (51)<sup>7</sup> **A61K 9/08**, 9/19, 31/192, A61P 29/00
- (21) 1-2002-00724 (22) 13.12.2001
- (86) PCT/KR01/02161 13.12.2001 (87) WO02/47661 20.06.2002
- (30) 2000/76298 14.12.2000 KR
- (45) 25.03.2008 240 (43) 25.12.2002 177
- (73) SHIN POONG PHARMACEUTICAL CO., LTD (KR)  
434-4, Moknae-dong, Ansan-shi, Kyunggi-do 425-100, Republic of Korea
- (72) LEE Sung-Tae (KR), HAN Shin (KR), PARK Woo-Yle (KR), LEE Chul-Kyu (KR), KIM Hye-Seon (KR)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) DƯỢC PHẨM DÙNG ĐỂ TIÊM BẮP CHỨA LOXOPROFEN
- (57)



Sáng chế đề cập đến dược phẩm dùng để tiêm bắp chứa loxoprofen hoặc muối dược dụng của nó làm hoạt chất, dược phẩm này có tác dụng giảm đau chống viêm tuyệt vời.

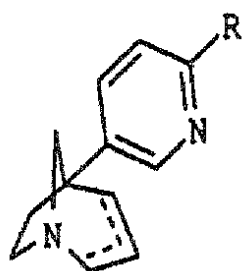
- (11) **1-0006829**
- (15) 31.01.2008 (51)<sup>7</sup> **B29C 33/72**
- (21) 1-2002-00992 (22) 02.10.2001
- (86) PCT/JP01/08678 02.10.2001 (87) WO02/30648 18.04.2002
- (30) 2000-310127 11.10.2000 JP
- 2000-331629 31.10.2000 JP
- (45) 25.03.2008 240 (43) 26.05.2003 182
- (73) NIPPON CARBIDE KOGYO KABUSHIKI KAISHA (JP)  
11-19, Kohnan 2-chome, Minato-ku, Tokyo 108-8466 Japan
- (72) Kiyohito HIROMITSU (JP), Mitsuyoshi SASAYAMA (JP), Hiroaki NOMURA (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **CHẾ PHẨM NHỰA LÀM SẠCH KHUÔN**
- (57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm nhựa làm sạch khuôn để loại bỏ các vết bẩn ra khỏi bề mặt khuôn trong quá trình đúc khuôn nguyên liệu đúc bằng nhựa hóa rắn, chế phẩm này chứa nhựa melamin làm nhựa làm sạch khuôn, và hợp chất vô cơ dạng sợi có độ dài sợi trung bình nằm trong khoảng từ 5 đến 30 $\mu$ m, đường kính sợi trung bình nằm trong khoảng từ 0,1 đến 1,0 $\mu$ m, và tỷ số hình dạng nằm trong khoảng từ 10 đến 60.

- (11) **1-0006830**
- (15) 31.01.2008 (51)<sup>7</sup> **C07D 295/18**, 211/34, C07C 237/30, 311/19, C07D 317/60, 213/40, 215/36, 205/04, 317/66, 405/12, 217/12, 333/62, 307/52, 307/54, 277/80, 233/54, 213/76, 409/12, 333/24, 317/46, 407/12, 413/12, 495/04, 307/81, 307/79, 413/14, A61K 31/40, 35/435, A61P 29/00
- (21) 1-2003-00754 (22) 27.03.2002
- (86) PCT/FR02/01059 27.03.2002 (87) WO02/076964 03.10.2002
- (30) 01/04,315 28.03.2001 FR
- (45) 25.03.2008 240 (43) 25.08.2004 197
- (73) SANOFI - AVENTIS (FR)  
174 Avenue de France FR - 75013 Paris France
- (72) FERRARI, BERNARD (FR), GOUGAT, JEAN (FR), MUNEUX, YVETTE (FR), PERREAUT, PIERRE (FR), SARRAN, LIONEL (FR)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) HỢP CHẤT N-(ARYLSULPHONYL)BETA - AXIT AMIN CHỨA NHÓM AMINOMETYL ĐƯỢC THỂ, QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ CHÚNG VÀ CÁC DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG
- (57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất có công thức (I). Các hợp chất này có ái lực với các thụ thể bradykinin với độ chọn lọc với các thụ thể B<sub>1</sub> và chúng có thể được sử dụng để bào chế thuốc dùng để điều trị hoặc phòng ngừa các bệnh viêm dai dẳng hoặc mãn tính và các bệnh viêm.

- (11) **1-0006831**
- (15) 31.01.2008 (51)<sup>7</sup> **E21B 37/06**, C10L 3/00, F17D 1/05
- (21) 1-2004-00171 (22) 25.07.2002
- (86) PCT/GB02/03420 25.07.2002 (87) WO03/021078 13.03.2003
- (30) 0120912.1 29.08.2001 GB
- (45) 25.03.2008 240 (43) 27.09.2004 198
- (73) BP EXPLORATION OPERATING COMPANY LIMITED (GB)  
Britannic House, 1 Finsbury Circus, London EC2M 7BA, United Kingdom
- (72) COLLINS, Ian Ralph (GB)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) PHƯƠNG PHÁPỨC CHẾ SỰ TẠO THÀNH HYDRAT
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp ức chế sự tạo thành hydrat khí bên trong chất lưu chứa pha hydrocacbon khí, pha hydrocacbon lỏng và pha nước, phương pháp này bao gồm việc: trộn chất nhũ hóa polyme và tùy ý là chất đông nhũ hóa không ion không polyme với chất lưu trước khi đưa chất lưu vào các điều kiện mà hydrat khí có thể được tạo thành để tạo ra nhũ tương nước trong dầu chứa pha nước không liên tục, pha hydrocacbon lỏng liên tục và lớp mặt phân cách về cơ bản không cho khí xuyên qua chứa chất nhũ hóa polyme và tùy ý là chất đông nhũ hóa không polyme không ion trong đó, pha nước được phân bố trong pha hydrocacbon lỏng liên tục ở dạng giọt nhỏ và lớp mặt phân cách về cơ bản không cho khí xuyên qua bao lấy giọt nhỏ này.



- (11) **1-0006832**
- (15) 31.01.2008 (51)<sup>7</sup> **C07D 471/08**, A61K 31/439, A61P 25/00, C07D 221/00, 209/00
- (21) 1-2004-00606 (22) 03.01.2003
- (86) PCT/FR03/00004 03.01.2003 (87) WO03/057697 17.07.2003
- (30) 02/00109 07.01.2002 FR
- (45) 25.03.2008 240 (43) 27.09.2004 198
- (73) SANOFI-AVENTIS (FR)  
174 Avenue de France, F - 75013 Paris, France
- (72) GALLI, Frederic (FR), LECLERC, Odile (FR), LOCHEAD, Alistair (FR), NEDELEC, Alain (FR)
- (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
- (54) HỢP CHẤT 5-(PYRIDIN-3-YL)-1-AZABICYCLO[3.2.1]OCTAN VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA NÓ
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức chung (I):



(I)

trong đó R là hoặc nguyên tử halogen hoặc nhóm phenyl được thế bằng một hoặc nhiều nhóm được chọn từ nguyên tử halogen và nhóm (C<sub>1</sub>-C<sub>6</sub>)alkyl, (C<sub>1</sub>-C<sub>6</sub>)alkoxy, nitro, amino, triflometyl, xyano, hydroxy, axetyl hoặc metylendioxy, hoặc là nhóm pyridinyl, nhóm thienyl, nhóm indolyl, hoặc nhóm pyrimidinyl tùy ý được thế bằng một hoặc nhiều nhóm (C<sub>1</sub>-C<sub>6</sub>)alkoxy, trong đó trong số hai liên kết cacbon-cacbon được thể hiện bằng ký hiệu ....., một liên kết là liên kết đơn và liên kết còn lại có thể là liên kết đơn hoặc liên kết đôi. Hợp chất theo sáng chế có thể được sử dụng làm phối tử của thụ thể nicotinic.

- (11) **1-0006833**
- (15) 31.01.2008 (51)<sup>7</sup> **C07D 207/00**, 207/335, A61K 31/341, 31/40
- (21) 1-2004-00640 (22) 09.01.2003
- (86) PCT/JP03/00136 09.01.2003 (87) WO03/059880 24.07.2003
- (30) 2002-004456 11.01.2002 JP
- 2002-004484 11.01.2002 JP
- (45) 25.03.2008 240 (43) 25.03.2005 204
- (73) SANKYO COMPANY, LIMITED (JP)  
5-1, Nihonbashi Honcho 3-chome, Chuo-ku, Tokyo 103-8426, Japan
- (72) Takahide NISHI (JP), Takaichi SHIMOZATO (JP), Futoshi NARA (JP), Shojiro MIYAZAKI (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **HỢP CHẤT RƯỢU AMINO VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY**
- (57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất rượu amino hoặc các hợp chất của axit phosphonic có hoạt tính ức chế miễn dịch tuyệt vời, các muối dược lý dụng của nó hoặc các este dược lý dụng của nó, và đề cập đến các dược phẩm chứa các hợp chất làm hoạt chất:



trong đó:

mỗi R<sup>1</sup> và R<sup>2</sup> là nguyên tử hydro, hoặc nhóm bảo vệ của nhóm amino;

R<sup>3</sup> là nguyên tử hydro, hoặc nhóm bảo vệ của nhóm hydroxyl;

R<sup>4</sup> là nhóm alkyl thấp;

n là số nguyên từ 1 đến 6;

X là nguyên tử oxy hoặc nguyên tử nitơ không được thế hoặc được thế bằng nhóm alkyl thấp hoặc các nhóm tương tự;

Y là nhóm etylen;

Z là nhóm C<sub>1</sub>-C<sub>10</sub> alkylen

R<sup>5</sup> là nhóm aryl, hoặc nhóm aryl được thế bằng các nhóm thế,

R<sup>6</sup> và R<sup>7</sup> là nguyên tử hydro;

với điều kiện là khi R<sup>5</sup> là nguyên tử hydro, thì Z là nhóm khác liên kết đơn hoặc C<sub>1</sub>-C<sub>10</sub> alkylen mạch thẳng.

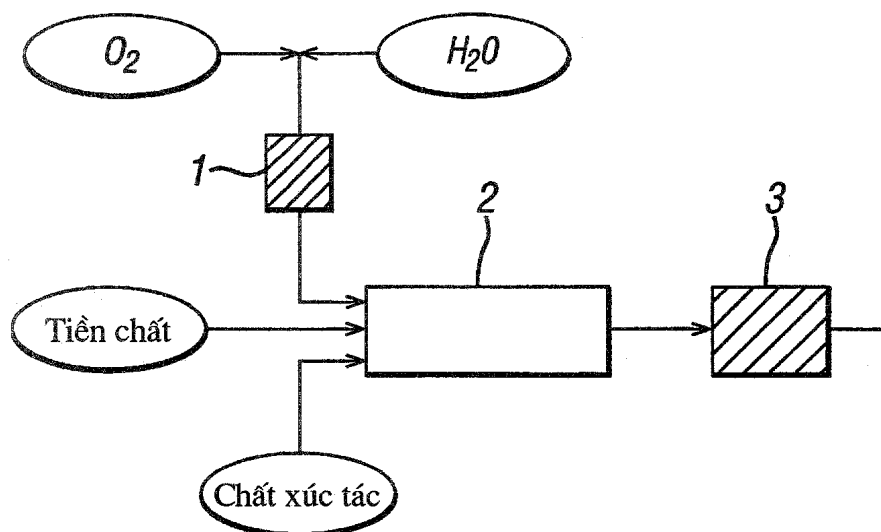
- (11) **1-0006834**
- (15) 31.01.2008 (51)<sup>7</sup> **C13D 1/02**, C12P 7/08, C10J 3/00
- (21) 1-2005-01468 (22) 06.04.2004
- (86) PCT/JP04/004962 06.04.2004 (87) WO04/090171 21.10.2004
- (30) 2003-102534 07.04.2003 JP
- 2004-027016 03.02.2004 JP
- (45) 25.03.2008 240 (43) 26.01.2006 214
- (73) ASAHI BREWERIES, LTD. (JP)  
7-1, Kyobashi 3-chome, Chuo-ku, Tokyo 104-8323, Japan
- (72) Satoshi OHARA (JP), Yoshitaka TOMINO (JP), Akira SUGIMOTO (JP), Kunihiko UJIHARA (JP), Yoshifumi TERAJIMA (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT ĐƯỜNG VÀ NGUYÊN LIỆU HỮU ÍCH
- (57) Sáng chế đề xuất phương pháp sản xuất đường và etanol từ mía cây, trong đó hầu hết năng lượng cần thiết các quy trình sản xuất đường, etanol và các chất tương tự có thể được cung cấp bằng năng lượng thu được bằng cách đốt bã mía ép, mà không làm giảm lượng đường sản xuất được.
- Sáng chế đề xuất phương pháp sản xuất đường và các nguyên liệu hữu ích từ mía cây, phương pháp này bao gồm các công đoạn:
- (a) tạo ra nước mía ép và bã mía ép từ mía cây;
- (b) tạo ra đường và mật đường từ nước mía ép; và
- (c) tạo ra năng lượng và nguyên liệu hữu ích bằng cách sử dụng nước mía ép, mật đường và bã mía ép của mía cây làm nguồn nguyên liệu mà đã thu được ở các công đoạn (a) và (b) nêu trên, trong đó
- mía cây chứa thành phần xơ với lượng bằng hoặc lớn hơn 15% khối lượng trong vùng thân mía cây và tạo ra sản lượng chất khô trên một đơn vị diện tích là 40 tấn/ha/năm hoặc cao hơn; và
- 90% năng lượng hoặc mức năng lượng cao hơn nữa cần cho toàn bộ các công đoạn của phương pháp sản xuất thu được từ năng lượng được tạo ra bằng cách đốt bã mía ép.

- (11) **1-0006835**
- (15) 31.01.2008 (51)<sup>7</sup> **C21B 13/10**
- (21) 1-2003-01144 (22) 13.06.2002
- (86) PCT/JP02/05872 13.06.2002 (87) WO02/103064 27.12.2002
- (30) 2001-183932 18.06.2001 JP
- 2002-007854 16.01.2002 JP
- (45) 25.03.2008 240 (43) 27.09.2004 198
- (73) KABUSHIKI KAISHA KOBE SEIKO SHO (KOBE STEEL LTD.) (JP)  
10-26, Wakinoama-cho 2-chome, Chuo-ku, Kobe-shi, Hyogo 651-8585 Japan.
- (72) Shuzo ITO (JP), Osamu TSUGE (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT KIM LOẠI DẠNG HẠT
- (57) Sáng chế đề xuất phương pháp sản xuất kim loại dạng hạt bao gồm bước nung nóng nguyên liệu chứa kim loại ôxit và chất hoàn nguyên chứa cacbon để hoàn nguyên kim loại ôxit có mặt trong nguyên liệu này và sau đó nung nóng tiếp kim loại tạo thành để nấu chảy kim loại trong khí cho phép kim loại tách ra khỏi thành phần xỉ là sản phẩm phụ và tạo ra sắt dạng hạt. Chất tăng tốc cố kết cho xi dưới dạng sản phẩm phụ được trộn vào nguyên liệu để tạo ra các hạt kim loại có độ tinh khiết kim loại cao, đường kính hạt lớn, và có khả năng chuyên chở và xử lý mỹ mãn với sản lượng và năng suất cao.

- (11) **1-0006836**
- (15) 31.01.2008 (51)<sup>7</sup> **C07C 69/736**, 67/31, 43/178, 217/60
- (21) 1-2005-00225 (22) 05.09.2002
- (86) PCT/JP02/009034 05.09.2002 (87) WO04/026807 01.04.2004
- (45) 25.03.2008 240 (43) 25.08.2005 209
- (73) KISSEI PHARMACEUTICAL CO., LTD. (JP)  
19-48, Yoshino, Matsumoto-shi, Nagano 399-8710, Japan
- (72) TANAKA, Nobuyuki (JP), TAMAI, Tetsuro (JP), MUKAIYAMA, Harunobu (JP),  
ISHIKAWA, Takehiro (JP), KOBAYASHI, Junichi (JP), AKAHANE, Satoshi (JP),  
HARADA, Hiromu (JP)
- (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
- (54) CÁC HỢP CHẤT TRUNG GIAN DÙNG ĐỂ ĐIỀU CHẾ CÁC DẪN XUẤT AXIT  
PHENOXYAXETIC VÀ PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG CHÚNG
- (57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất trung gian mới để điều chế dẫn xuất axit  
phenoxyaxetic có công thức chung (X) hoặc muối dược dụng của nó, các chất này có  
hoạt tính kích thích thụ thể  $\beta$ -adrenalin và là hữu hiệu để điều trị hoặc phòng ngừa bệnh  
béo phì, bệnh tăng glucoza-huyết, các bệnh gây ra bởi sự tăng vận động của ruột, chứng  
đái dầm, bệnh đái dầm, bệnh trầm cam hoặc bệnh sỏi mật. Sáng chế cũng đề xuất quy  
trình điều chế các hợp chất trung gian này và phương pháp sử dụng các hợp chất này.

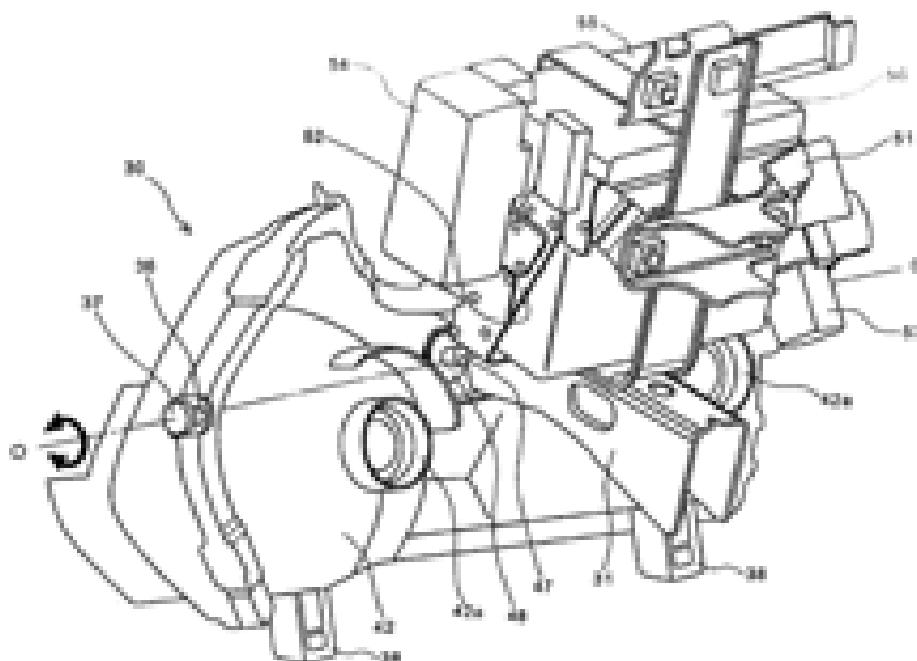
- (11) **1-0006837**
- (15) 31.01.2008 (51)<sup>7</sup> **C12C 5/02**, A23L 2/38
- (21) 1-2006-00190 (22) 16.06.2004
- (86) PCT/JP04/008463 16.06.2004 (87) WO05/005593 20.01.2005
- (30) 2003-195202 10.07.2003 JP
- 2004-150566 20.05.2004 JP
- (45) 25.03.2008 240 (43) 25.07.2006 220
- (73) SAPPORO BREWERIES LIMITED (JP)  
20-1, Ebisu 4-chome, Shibuya-ku, Tokyo 150-8522 Japan
- (72) Syuuichi ISHII (JP), Mitsuhiro ODA (JP), Atsuki KAWAMURA (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **ĐỒ UỐNG CÓ CỒN CÓ ĐẶC TÍNH TẠO BỌT ĐƯỢC CẢI THIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT ĐỒ UỐNG NÀY**
- (57) Sáng chế đề xuất đồ uống có cồn có độ ổn định bọt được cải thiện. Phương pháp sản xuất đồ uống có cồn có đặc tính tạo bọt được cải thiện bao gồm công đoạn xử lý dịch lên men sơ bộ, trong đó protein đậu được chiết và thu được từ đậu được bổ sung vào dịch lên men sơ bộ. Đồ uống có cồn có đặc tính tạo bọt được cải thiện có thể thu được từ phương pháp sản xuất đồ uống có cồn có đặc tính tạo bọt được cải thiện bằng cách lên men dịch lên men sơ bộ nhằm tạo ra các nguyên liệu thô chứa mạch nha hoặc lên men dịch lên men sơ bộ được tạo ra có sử dụng xirô chứa nguồn cacbon, nguồn nitơ, hạt hublông, chất tạo màu, chất cải thiện mức tạo bọt và ổn định bọt và nước làm nguyên liệu thô với nấm men.

- (11) **1-0006838**
- (15) 31.01.2008 (51)<sup>7</sup> **C07C 51/265**, 63/14, 63/24, 63/26
- (21) 1-2005-00151 (22) 02.07.2003
- (86) PCT/US03/020788 02.07.2003 (87) WO4/005235 15.01.2004
- (30) 60/394,626 09.07.2002 US
- (45) 25.03.2008 240 (43) 25.04.2005 205
- (73) INVISTA TECHNOLOGIES S.À. R. L. (US)  
Three Little Falls Centre/1052, 2801 Centerville Road Wilmington, Delaware 19808, United States of America
- (72) THOMAS William Barry (GB), WHISTON Keith (GB), GARCIA-VERDUGO Eduardo Cepeda (ES), HAMLEY Paul Anthony (GB), POLIAKOFF Martyn (GB)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) QUY TRÌNH SẢN XUẤT AXIT ĐICARBOXYLIC THƠM TRONG ĐIỀU KIỆN TRÊN TỐI HẠN
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình sản xuất đồng thời hoặc liên tục trong cùng vùng phản ứng hai hoặc nhiều axit đicarboxylic được chọn từ axit orthophtalic, axit isophtalic và axit terephtalic bao gồm bước cho một hoặc nhiều tiền chất của một trong số ít nhất hai axit đicarboxylic được chọn từ axit orthophtalic, axit terephtalic và axit isophtalic tiếp xúc với chất oxy hoá đồng thời hoặc liên tục với sự có mặt của chất xúc tác, việc tiếp xúc này có thể thực hiện với tiền chất và chất oxy hoá trong dung môi nước bao gồm nước trong điều kiện trên tối hạn hoặc gần trên tối hạn ở gần điểm trên tối hạn. Theo các phương án được ưu tiên, quy trình này được dùng để sản xuất đồng thời hoặc liên tục axit orthophtalic, axit terephtalic và axit isophtalic trong cùng vùng phản ứng.



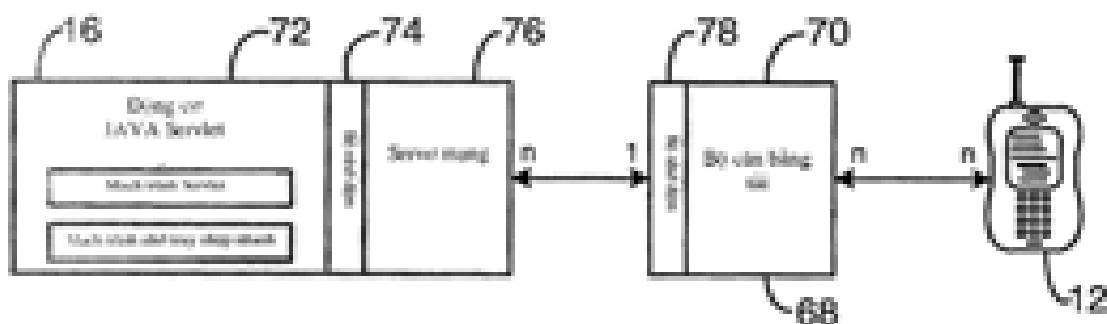
- (11) **1-0006839**
- (15) 14.02.2008 (51)<sup>7</sup> **B60Q 1/04, B62J 6/02**
- (21) 1-2006-01729 (22) 20.10.2006
- (30) 2005-316623 31.10.2005 JP
- (45) 25.03.2008 240 (43) 25.12.2006 225
- (73) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)  
1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556 Japan
- (72) Hiroyuki NAKAJIMA (JP), Takayuki YANAGIDA (JP), Yoshihiko SUZUKI (JP), Hiroshi ODAGIRI (JP), Kanichiro OGIYA (JP)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) **KẾT CẤU ĐỖ ĐÈN TRƯỚC**
- (57) Sáng chế đề xuất kết cấu đỡ đèn trước có khả năng lắp cố định và đỡ cụm đèn trước theo cách ổn định hơn.

Trong kết cấu đỡ đèn trước dùng cho xe máy trong đó cụm đèn trước gồm hai đèn trái và phải (30) tạo thành một vỏ được bố trí ở phía bề mặt phần sau của nắp che thân, chốt gài (47) được bố trí gần như ở chính giữa phía bề mặt sau của cụm đèn trước (30), và gài khớp với vòng đệm (48) gắn cố định vào đầu ngoài của giá bắt đèn trước (31) lắp với khung thân. Các trục đỡ (36) và các gờ (37) được đỡ trên nắp che thân, phần gài nêu trên được bố trí trên đường O-O có tác dụng như trục điều chỉnh trục quang học, nhờ đó cho phép điều chỉnh được trục quang học này nhờ giá điều chỉnh trục quang học (38) và cho phép cụm đèn trước (30) khi chịu lực tác động lớn được đỡ theo cách ổn định. Giá lắp ắc quy (50) và các giá phụ (51, 52), đỡ ắc quy (55) và các phụ kiện (53, 54), được lắp với giá bắt đèn trước (31).





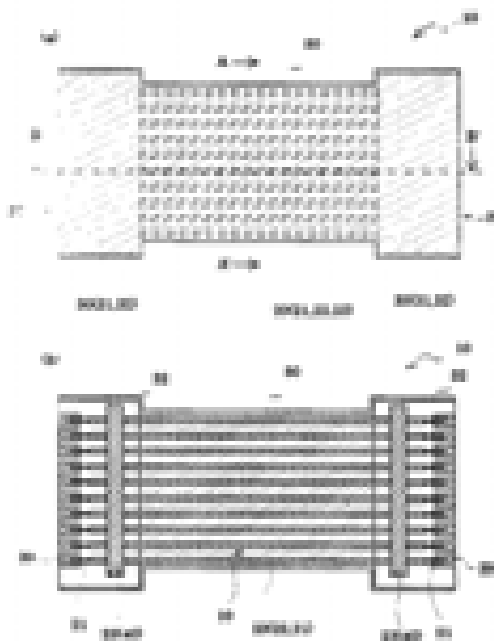
- (11) **1-0006840**
- (15) 14.02.2008 (51)<sup>7</sup> **H04M 3/42**
- (21) 1-2005-00944 (22) 04.12.2003
- (86) PCT/US03/038801 04.12.2003 (87) WO04/054279 24.06.2004
- (30) 10/315,800 09.12.2002 US
- (45) 25.03.2008 240 (43) 25.11.2005 212
- (73) QUALCOMM INCORPORATED (US)  
5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121, United States of America
- (72) KENAGY, Jason B. (US), BRIGGS, Robert D. (US), LOMBARDI, Gina, M. (US), STASKAUSKAS, Mark (US), PHILLIPS, Marc, S. (US), MILLER, Robert, J. (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) **HỆ THỐNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THIẾT LẬP QUAN HỆ GIỮA THIẾT BỊ KHÔNG DÂY VÀ SERVƠ**
- (57) Sáng chế đề cập đến hệ thống, phương pháp và chương trình máy tính để truyền thông dữ liệu, hoặc "thiết lập quan hệ," giữa các thiết bị không dây và servơ trong mạng không dây. Ngay khi thiết bị không dây truyền thông với servơ, servơ thu dữ liệu chỉ báo các thuộc tính của thiết bị không dây từ thiết bị không dây, và servơ xác định quyền truy nhập của thiết bị không dây đối với các ứng dụng thường trú ở servơ này hoặc thiết bị máy tính khác trong mạng không dây, dựa vào các thuộc tính của thiết bị không dây này.



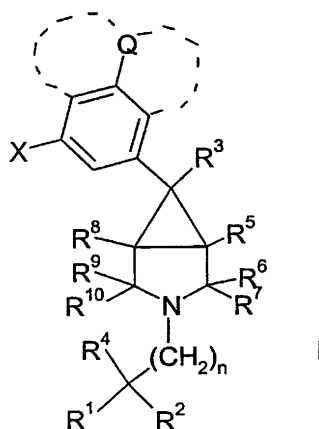
- (11) **1-0006841**
- (15) 14.02.2008 (51)<sup>7</sup> **H02P 15/00**
- (21) 1-2005-01128 (22) 16.01.2004
- (86) PCT/US04/001020 16.01.2004 (87) WO04/067997 12.08.2004
- (30) 60/440,622 17.01.2003 US
- (45) 25.03.2008 240 (43) 25.11.2005 212
- (73) **MAGNETIC TORQUE INTERNATIONAL, LTD. (US)**  
11260 Roger Bacon Drive, Suite 503 Reston, VA 20190, United States of America
- (72) Richard J. WISE (CA)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
- (54) **BỘ BIẾN ĐỔI MÔMEN XOẮN VÀ HỆ THỐNG SỬ DỤNG BỘ BIẾN ĐỔI NÀY**
- (57) Sáng chế đề xuất bộ biến đổi mômen xoắn bao gồm bánh đà quay xung quanh trục thứ nhất, bánh đà này bao gồm phần thân thứ nhất, các nam châm vĩnh cửu thứ nhất được lắp trên phần thân thứ nhất, mỗi nam châm trong số các nam châm vĩnh cửu thứ nhất kéo dài dọc theo phương trục hướng kính tương ứng so với trục thứ nhất, và các nam châm vĩnh cửu thứ hai được lắp trên phần thân thứ nhất, mỗi nam châm trong số các nam châm vĩnh cửu thứ hai được bố trí giữa một cặp nam châm vĩnh cửu thứ nhất liền kề tương ứng, và đĩa máy phát quay được xung quanh trục thứ hai vuông góc với trục thứ nhất, đĩa máy phát có phần thân thứ hai, và các nam châm vĩnh cửu thứ ba nằm trong phần thân thứ hai được nối từ với các nam châm vĩnh cửu thứ nhất và thứ hai.

- (11) **1-0006842**
- (15) 14.02.2008 (51)<sup>7</sup> **H01B 7/00**, 7/08, 13/00, H01R 9/05
- (21) 1-2006-00788 (22) 12.03.2004
- (86) PCT/JP04/003255 12.03.2004 (87) WO05/041218 06.05.2005
- (30) 2003-362528 22.10.2003 JP
- (45) 25.03.2008 240 (43) 25.07.2006 220
- (73) 1. YOSHINOAWA ELECTRIC WIRE & CABLE CO., LTD. (JP)  
331 Omore-cho, Takamatsu-shi, Kagawa 761 -0431 Japan
2. YUTAKA MIHARA (JP)  
c/o Kagawa University, 2217-20 Hayashi-cho, Takamatsu-shi, Kagawa 761-0301, Japan
3. HIDENORI ISHIHARA (JP)  
c/o Kagawa University, 2217-20 Hayashi-cho, Takamatsu-shi, Kagawa 761-0301, Japan
4. YOSHIFUMI SUZAKI (JP)  
c/o Kagawa University, 2217-20 Hayashi-cho, Takamatsu-shi, Kagawa 761-0301, Japan
- (72) Shigeru KOBAYASHI (JP), Kazuo HIRA (JP), Yutaka MIHARA (JP), Hidenori ISHIHARA (JP), Yoshifumi SUZAKI (JP)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)
- (54) **CÁP CÓ ĐẦU NỐI VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT CÁP NÀY**
- (57) Sáng chế đề cập tới cáp có đầu nối có thể được sản xuất với năng suất sản xuất cao và có thể giảm bớt đáng kể chi phí sản xuất. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập tới phương pháp sản xuất cáp như vậy.

Theo sáng chế, cáp có đầu nối (10) bao gồm: các cáp (20) được bố trí song song với khoảng cách định trước, từng cáp này có dây dẫn ngoài (23) và một lớp mạ kim loại trên lớp cách điện (22) được tạo ra bao quanh một dây dẫn dây đơn hoặc dây bện (21); chi tiết đầu nối (30) nối với ít nhất một đầu theo chiều dọc của nhóm các cáp (20); chi tiết đầu nối (30) có một đầu cuối nối (39) để nối dây dẫn (21) của từng cáp (20) với một đầu cuối ngoài, và một đầu cuối dây đệm để nối với các dây dẫn ngoài (23); và lớp vỏ ngoài được tạo ra liền khối với chi tiết đầu nối (30) để phủ liền khối nhóm các cáp (20).

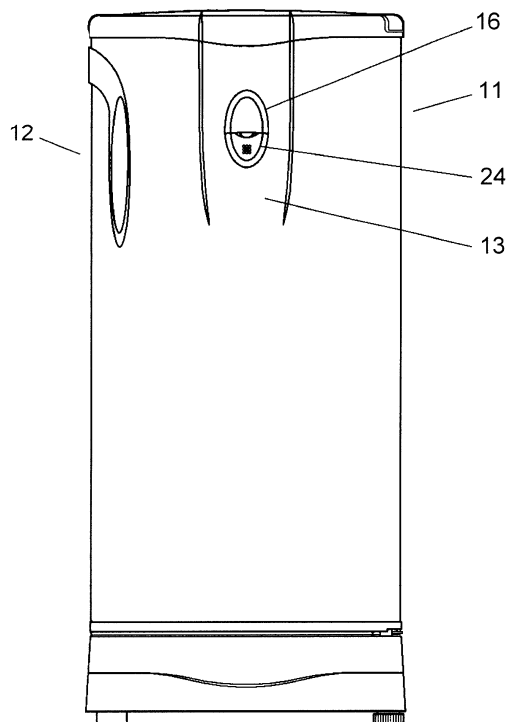


- (11) **1-0006843**
- (15) 14.02.2008 (51)<sup>7</sup> **C07D 209/52**, 403/12, A61K 31/403, 31/4178, C07D 303/04
- (21) 1-2004-00352 (22) 09.09.2002
- (86) PCT/IB02/03668 09.09.2002 (87) WO03/035622 01.05.2003
- (30) 60/338,511 22.10.2001 US
- (45) 25.03.2008 240 (43) 27.12.2004 201
- (73) PFIZER PRODUCTS INC. (US)  
Eastern Point Road, Groton, Connecticut 06340, United States of America
- (72) Stanton Furst MCHARDY (US), Spiros LIRAS (GR), Steven Donald HECK (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO)
- (54) HỢP CHẤT 3-AZABICYCLO [3.1.0] HEXAN SỬ DỤNG LÀM CHẤT ĐỐI KHÁNG THỤ THỂ OPIOIT VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA NÓ
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức I,



trong đó X, Q, R<sup>1</sup>, R<sup>2</sup>, R<sup>3</sup>, R<sup>4</sup>, R<sup>5</sup>, R<sup>6</sup>, R<sup>7</sup>, R<sup>8</sup>, R<sup>9</sup>, và R<sup>10</sup> được xác định như trên, có hoạt tính làm chất đối kháng thụ thể opioit. Sáng chế còn đề cập thêm đến dược phẩm chứa hợp chất này.

- (11) **1-0006844**  
(15) 14.02.2008 (51)<sup>7</sup> **F25D 23/12**  
(21) 1-2006-00191 (22) 05.10.2004  
(86) PCT/JP04/014997 05.10.2004 (87) WO05/036077 21.04.2005  
(30) 2003-350533 09.10.2003 JP  
2003-350931 09.10.2003 JP  
2003-351023 09.10.2003 JP  
(45) 25.03.2008 240 (43) 26.04.2006 217  
(73) MATSUSHITA ELECTRIC INDUSTRIAL CO., LTD. (JP)  
1006, Oaza Kadoma, Kadoma-shi, Osaka 571-8501 Japan  
(72) Nobuaki HIMORI (JP)  
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO., LTD)  
(54) **TỦ LẠNH**  
(57) Sáng chế đề cập đến tủ lạnh bao gồm khay chứa nước (17) được bố trí ở vị trí cao hơn bên trong cửa, túi nước (16) được bố trí ở mặt trước của cửa, và ống cấp nước (18) nối khay (17) với túi nước (16). Ống (18) chéch lên trên túi nước (16) tới khay chứa (17).

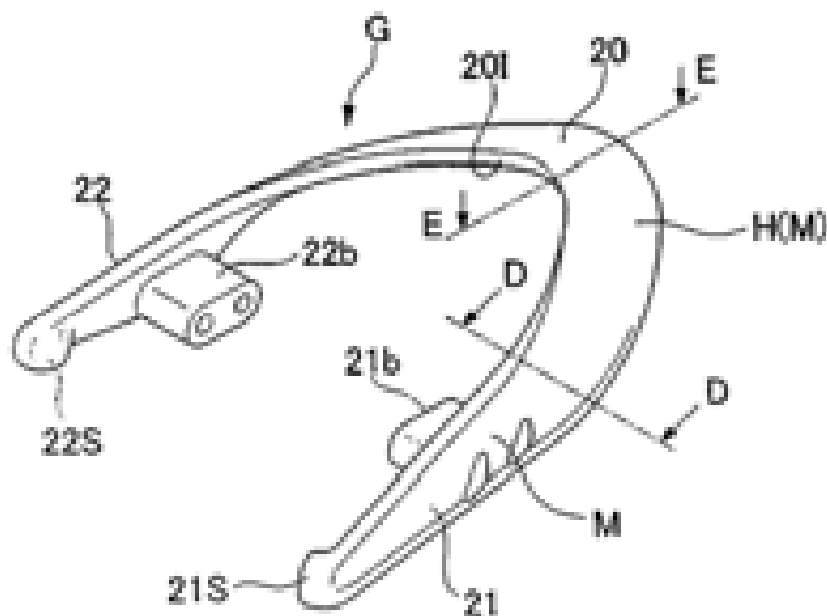


- (11) **1-0006845**
- (15) 14.02.2008 (51)<sup>7</sup> **A61K 38/17**, 38/18, C07K 14/50, 14/705, C12N 5/16, 15/12, C07K 14/71, C12N 15/12
- (21) 1-2001-00395 (22) 05.10.1999
- (86) PCT/DK99/00525 05.10.1999 (87) WO00/20027 13.04.2000
- (30) PA 1998 01261 05.10.1998 DK  
60/105, 011 20.10.1998 US
- (45) 25.03.2008 240 (43) 25.07.2002 172
- (73) PHARMEXA A/S (DK)  
Kogle Alle 6, DK-2970 Horsholm, Denmark
- (72) STEINAA, Lucilla (DK), MOURITSEN, Soren (DK), GAUTAM, Anand (DK), DALUM, Iben (DK), HAANING, Jesper (DK), LEACH, Dana (DK), NIELSEN, Klaus Gregorius (DK), KARLSSON, Gunilla (DK), RASMUSSEN, Peter Birk (DK)
- (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) **POLYPEPTIT THỂ TƯƠNG ĐỒNG CÓ KHẢ NĂNG KÍCH THÍCH ĐÁP ỨNG MIỄN DỊCH CHỐNG LẠI KHÁNG NGUYÊN KHÔNG MONG MUỐN VÀ SỬ DỤNG CHÚNG**
- (57) Sáng chế đề xuất phương pháp kích thích miễn dịch qua trung gian tế bào kháng lại các kháng nguyên tế bào. Cụ thể hơn, sáng chế đề xuất phương pháp kích thích miễn dịch lympho bào T độc tế bào kháng các kháng nguyên yếu, đặc biệt là các protein tự thân. Phương pháp này đòi hỏi là các tế bào biểu hiện kháng nguyên được kích thích để biểu hiện ít nhất một epitop CTL của kháng nguyên yếu nêu trên và đồng thời biểu hiện ít nhất một epitop lympho bào T trợ giúp lạ. Theo một phương án ưu tiên, kháng nguyên là kháng nguyên đặc hiệu với bệnh ung thư, ví dụ, PSM, Her2, hoặc FGF8b. Phương pháp này có thể được thực hiện bằng cách sử dụng việc tiêm chủng vaccin polypeptit truyền thống, nhưng có thể còn bằng cách sử dụng các vaccin sống đã được làm yếu hoặc tiêm chủng vaccin axit nucleic. Tiếp theo, sáng chế đề cập đến các thể tương đồng của PSM, Her2, và FGF8b cũng như các phân tử axit nucleic mã hoá các thể tương đồng này. Ngoài ra, các vật truyền và các tế bào đã được biến nạp cũng được đề xuất. Sáng chế cũng đề xuất phương pháp xác định các thể tương đồng tạo miễn dịch của các kháng nguyên yếu hoặc không tạo miễn dịch.

- (11) **1-0006846**  
 (15) 14.02.2008 (51)<sup>7</sup> **B62J 1/28**  
 (21) 1-2005-01414 (22) 26.03.2004  
 (86) PCT/JP04/004367 26.03.2004 (87) WO04/087489 14.10.2004  
 (30) 2003-097321 31.03.2003 JP  
 (45) 25.03.2008 240 (43) 26.02.2006 215  
 (73) HONDA MOTOR., LTD. (JP)  
 1-1, Minamiaoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan  
 (72) Oumi IIDA (JP), Srettha MOLINEE (TH)  
 (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) TAY NẮM CHO XE MÁY

- (57) Sáng chế đề xuất tay nắm (G) cho xe máy bao gồm: phần sau (20); phần bên trái (21) và phần bên phải (22) kéo dài từ cả bên trái lẫn bên phải của chúng; và các các phần lắp (21b và 22b) được tạo ra để lắp với các mặt bên của các nắp che bên (C). Tay nắm (G) được tạo dạng sao cho: một đoạn từ các phần lắp (21b và 22b) tới phần trên đèn xe (7) sẽ xếp chồng ít nhất một phần đèn xe (7) nhìn trên hình chiếu bằng; mép trong (20I) của phần sau nhô về sau từ đầu sau của yên xe (S) để tạo ra một khoảng trống (K) giữa đầu sau của yên xe (S) và mép trong (20I) của phần sau nhìn trên hình chiếu bằng; bề mặt ngoài (M) của nó được tạo nghiêng dần sao cho bề mặt ngoài (M) quay mặt ra phía bên ở bên dưới yên xe đồng thời bề mặt ngoài (M) quay mặt lên ở phần sau cùng của nó; và bề mặt trên (H) ở phần sau cùng được định vị gần như trên đường kéo dài (L) của bề mặt trên của yên xe (S).



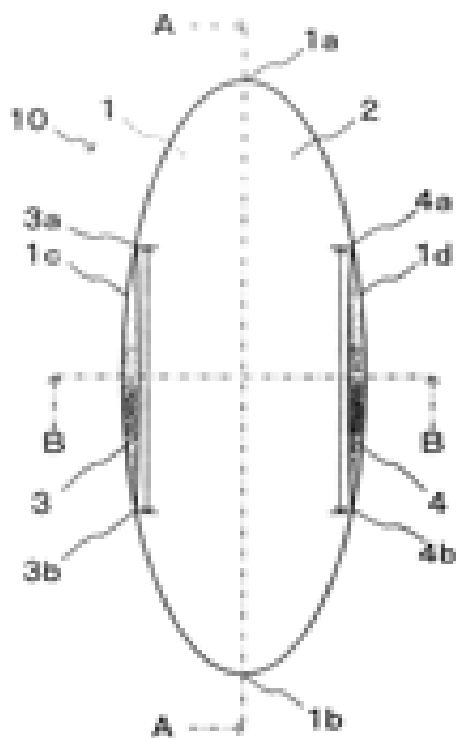
- (11) **1-0006847**
- (15) 14.02.2008 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/64**, 31/44, A61P 3/10
- (21) 1-1999-01079 (S19991079) (22) 15.06.1998
- (86) PCT/EP98/03688 15.06.1998 (87) WO98/57649 23.12.1998
- (30) 9712854.0 18.06.1997 GB
- 9806710.1 27.03.1998 GB
- (45) 25.03.2008 240 (43) 25.09.2000 150
- (73) SMITHKLINE BEECHAM P.L.C. (GB)  
New Horizons Court, Brentford, Middlesex, TW8 9 EP, England
- (72) Smith, Stephen, Alistair (GB)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) SỬ DỤNG HỢP CHẤT THIAZOLIDINDION VÀ SULPHONYLURE ĐỂ BÀO CHẾ THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH ĐÁI THÁO ĐƯỜNG, HỖN HỢP VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CÁC HỢP CHẤT NÀY
- (57) Sáng chế đề cập đến việc sử dụng hợp chất 5-[4-[2-(N-metyl-N-(2-pyridyl)amino)etoxy]benzyl]-thiazolidin-2,4-dion (Hợp chất I), hoặc muối dược dụng của nó, và sulphonylure để bào chế thuốc dùng để điều trị bệnh đái tháo đường và/hoặc bệnh liên quan đến đái tháo đường. Sáng chế cũng đề cập đến hỗn hợp và dược phẩm chứa các hợp chất này.



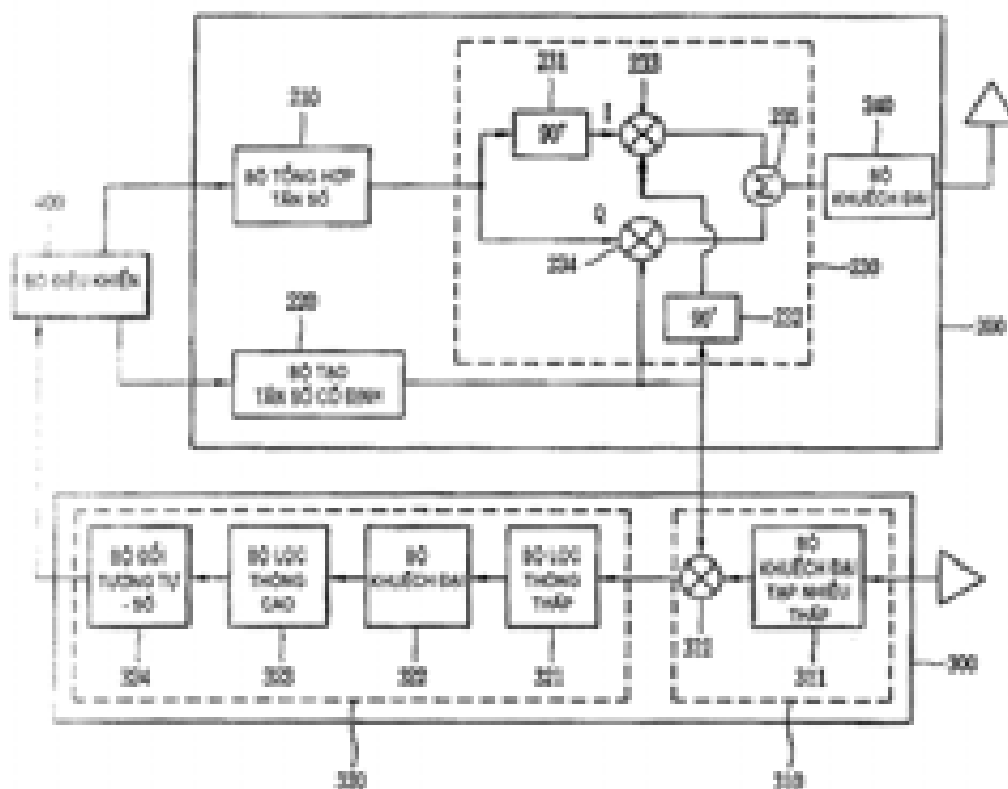
- (11) **1-0006848**
- (15) 14.02.2008 (51)<sup>7</sup> **A61K 47/48**, A61P 35/04
- (21) 1-2004-00150 (22) 16.08.2002
- (86) PCT/JP02/08309 16.08.2002 (87) WO03/015826 27.02.2003
- (30) 2001-249717 21.08.2001 JP
- (45) 25.03.2008 240 (43) 26.07.2004 196
- (73) MITSUBISHI TANABE PHARMA CORPORATION (JP)  
2-10 Dosho-machi 3-chome, Chuo-ku, Osaka, Japan.
- (72) Takayuki KAWAGUCHI (JP), Satoshi OKUNO (JP), Toshiro YANO (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **DƯỢC PHẨM CHỨA GỐC POLYSACARIT DÙNG ĐỂ ỨC CHẾ DI CĂN HOẶC NGĂN NGỪA SỰ TÁI PHÁT KHỐI U ÁC TÍNH**
- (57) Sáng chế đề cập tới dược phẩm dùng để ức chế di căn hoặc ngăn ngừa sự tái phát khối u ác tính, dược phẩm này có thành phần hoạt tính là dẫn xuất polysacarit gồm một polysacarit có một nhóm carboxyl được liên kết vào hoạt chất có hoạt tính kháng khối u thông qua một axit amin hoặc một peptit có từ 2 đến 8 axit amin giống hoặc khác nhau hoặc muối của nó. Các hoạt chất được ưu tiên là các dẫn xuất camptothecin.

- (11) **1-0006849**  
 (15) 14.02.2008 (51)<sup>7</sup> **A61F 13/15**  
 (21) 1-2003-00989 (22) 21.05.2002  
 (86) PCT/JP02/04898 21.05.2002 (87) WO02/094162 28.11.2002  
 (30) 2001-152403 22.05.2001 JP  
 2001-23185 19.10.2001 JP  
 (45) 25.03.2008 240 (43) 25.06.2004 195  
 (73) UNI-CHARM CORPORATION (JP)  
 182 Shimobun, Kinsei-cho, Kawanoe-shi, Ehime 799-0111, Japan  
 (72) MIZUTANI, Satoshi (JP), YAMAKI, Koichi (JP), NODA, Yuki (JP)  
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)  
 (54) **VẬT DỤNG THẨM HÚT ĐẶT Ở GIAN MÔI**  
 (57) Sáng chế đề cập đến vật dụng thẩm hút đặt ở gian môi có thể bịt kín và bám dính vào các môi âm đạo, có kết cấu có thể đạt được việc gắn kín vào các môi âm đạo một cách dễ dàng.

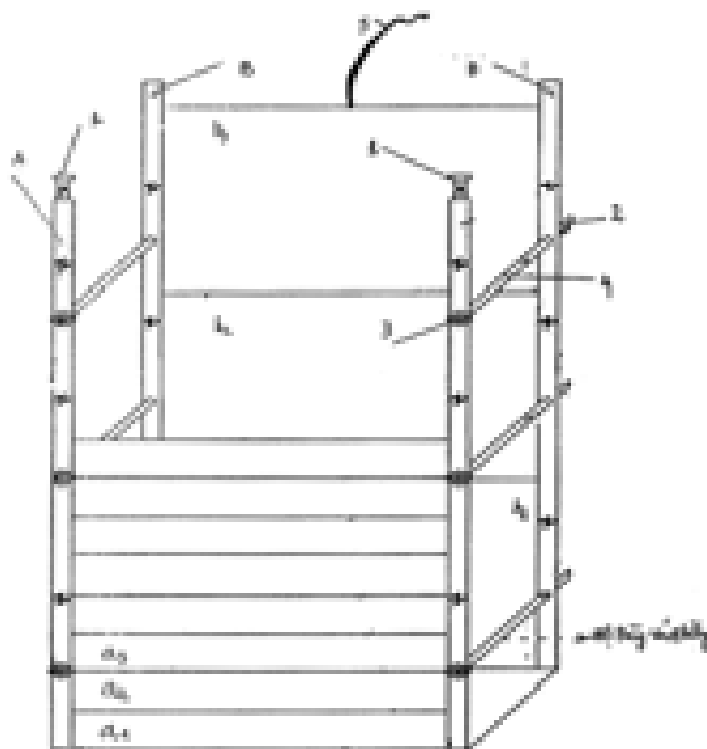
Tấm (2) được tạo ra về phía đối diện với bề mặt tiếp xúc với cơ thể của vật dụng thẩm hút đặt ở gian môi (1) tạo ra một cặp lỗ hổng để luồn đầu ngón tay (3, 4) ở cả hai phía, người sử dụng luồn hai ngón tay vào lỗ hổng để luồn đầu ngón tay (3, 4) và kẹp tấm (2) bằng hai ngón tay, nhờ đó vật dụng thẩm hút đặt ở gian môi (1) có thể được gấp thành hình dạng nhô dọc theo đường tâm theo phương thẳng đứng và có thể được gắn vào các môi (9) mà vẫn giữ được trạng thái tạo vùng nhô (5) trên bề mặt tiếp xúc với cơ thể của vật dụng thẩm hút.



- (11) **1-0006850**
- (15) 14.02.2008 (51)<sup>7</sup> **G06K 7/00**
- (21) 1-2006-01299 (22) 07.08.2006
- (30) 74920/2005 16.08.2005 KR
- (45) 25.03.2008 240 (43) 25.12.2006 225
- (73) LS INDUSTRIAL SYSTEMS CO., LTD. (KR)  
84-11, 5Ga, Namdaemun-Ro, Jung-Gu, Seoul, Korea
- (72) Jong-Kug SEON (KR)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
- (54) THIẾT BỊ ĐỌC KÝ HIỆU NHẬN DẠNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN
- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị đọc ký hiệu nhận dạng tần số vô tuyến (RFID: Radio Frequency Identification) để đọc dữ liệu từ nhãn RFID sử dụng kết nối không dây trên dải thông có tần số xác định, bao gồm bộ phát để tổng hợp một cách tuần tự và tích lũy các tín hiệu điều khiển tần số được tạo ra ở mỗi nhịp đồng hồ, trộn tín hiệu có tần số xác định đã tổng hợp được và tín hiệu có tần số cố định, và kết quả là tạo ra một tín hiệu RF.



- (11) **1-0006851**
- (15) 14.02.2008 (51)<sup>7</sup> **E04F 21/02, E04G 21/22**
- (21) 1-2006-01121 (22) 10.07.2006
- (30) 2-2005-00154 01.09.2005 VN
- (45) 25.03.2008 240 (43) 25.12.2006 225
- (76) **ĐỒ THÀNH TÍCH (VN)**  
369/131 đường Lê Thiệt, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
- (74) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)
- (54) **THIẾT BỊ XÂY TRÁT VÁCH TƯỜNG**
- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị xây và trát vách tường sao cho có thể vừa xây và vừa trát các vách tường phía trong, phía ngoài cùng một lúc. Thiết bị này bao gồm các môđun nối tiếp nhau, mỗi môđun bao gồm hai cặp thanh đứng (A, B) giống nhau, trong đó có thanh (A) đặt ở vách trong, đầu trên có gắn dụng cụ tăng giảm độ cao (1) để thanh (A) có thể bám chắc chắn vào trần và sàn nhà tương ứng, các thanh ngang phụ (2) để giữ thanh phía ngoài (B) cùng cặp luôn song song với thanh (A) đặt sát vách tường nhờ vít vặn (3) và thông qua ống đệm trung gian (4) bao ngoài thanh ngang phụ (2) giúp cho khi xiết chặt vít (3) thì khoảng cách giữa hai thanh đứng (A, B) trong một cặp bằng chiều dày vách tường cần xây trát, các tấm cốp pha (b1, b2, b3,...) phía ngoài vách được lần lượt tựa vào cặp thanh (B) và có các móc nhỏ hoặc sợi dây (5) gắn phía sau, các tấm cốp pha (a1, a2, a3,...) phía trong vách được đặt lần lượt tựa vào cặp thanh (A) có cùng chiều dài với các tấm cốp pha (b1, b2, b3,...) nhưng có chiều cao nhỏ hơn.



- (11) **1-0006852**
- (15) 14.02.2008 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/70**, 35/56
- (21) 1-2006-01935 (22) 23.11.2006
- (45) 25.03.2008 240 (43) 26.02.2007 227
- (73) **VIỆN HOÁ HỌC CÁC HỢP CHẤT THIÊN NHIÊN (VN)**  
18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
- (72) Châu Văn Minh (VN), Phan Văn Kiệt (VN), Nguyễn Hải Đăng (VN), Nguyễn Văn Thanh (VN), Lê Mai Hương (VN), Đỗ Công Thung (VN), Trần Thu Hương (VN), Nguyễn Xuân Cường (VN)
- (54) **HỢP CHẤT HOLOTHURIN A3 CÓ HOẠT TÍNH CHỐNG UNG THƯ VÀ PHƯƠNG PHÁP CHIẾT HỢP CHẤT NÀY TỪ LOÀI HẢI SÂM HOLOTHURIA SCABRA**
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp chiết hợp chất holothurin A3 từ loài hải sâm *Holothuria scabra* ở Việt Nam. Hợp chất này có tên hoá học là 3 $\beta$ ,12 $\alpha$ ,17 $\alpha$ , 25-tetrahydroxyholost-9(11)-en-22-on 3-O-[(3-O-metyl)- $\beta$ -D-glucopyranosyl-(1 $\rightarrow$ 3)- $\beta$ -D-glucopyranosyl-(1 $\rightarrow$ 4)- $\beta$ -D-quinovopyranosyl-(1 $\rightarrow$ 2)-(4-O-sulfo)- $\beta$ -D-xylopyranosit] natri sulfat. Hợp chất hololhurin A3 có hoạt tính kháng mạnh cả ba dòng tế bào ung thư người là tế bào caxinom biểu bì người (KB), tế bào sacom cơ trơn tử cung dạng sợi (FL) và tế bào caxinom tế bào gan người (Hep-G2). Sáng chế tạo cơ sở khoa học vững chắc cho những nghiên cứu ứng dụng tiếp theo nhằm tạo ra dược phẩm chữa bệnh ung thư chứa hợp chất này cũng như các dẫn xuất của chúng.

- (11) **1-0006853**
- (15) 14.02.2008 (51)<sup>7</sup> **A61K 31/337**, A61P 35/00
- (21) 1-2002-00194 (22) 29.08.2000
- (86) PCT/EP00/08782 29.08.2000 (87) WO01/15675 08.03.2001
- (30) 9920548.6 31.08.1999 GB
- (45) 25.03.2008 240 (43) 25.09.2002 174
- (73) AVENTIS PHARMA S.A. (FR)  
20 Avenue Raymond Aron, F-92160 Antony, France
- (72) Chin-Wen CHI (CN), Heng-Liang LIN (CN), Tsung-Yun LIU (CN), Wing-Yiu LUI (CN), Gar-Yang CHAU (CN)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
- (54) SỬ DỤNG DOXETAXEL HOẶC HYDRAT CỦA NÓ ĐỂ SẢN XUẤT THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH CAXINOM TẾ BÀO GAN
- (57) Sáng chế dựa trên việc phát hiện ra rằng doxetaxel có hoạt tính đối với tế bào caxinom tế bào gan đáng kể hơn so với paclitaxel ở nồng độ đến 1  $\mu$ M. Do đó, sáng chế đề xuất việc sử dụng doxetaxel, hoặc hydrat của nó, để sản xuất thuốc để điều trị bệnh caxinom tế bào gan.

- (11) **1-0006854**  
(15) 15.02.2008 (51)<sup>7</sup> **E04C 2/16, 2/18**  
(21) 1-2005-01236 (22) 07.09.2005  
(45) 25.03.2008 240 (43) 26.04.2006 217  
(76) NGUYỄN QUANG NGÃI (VN)

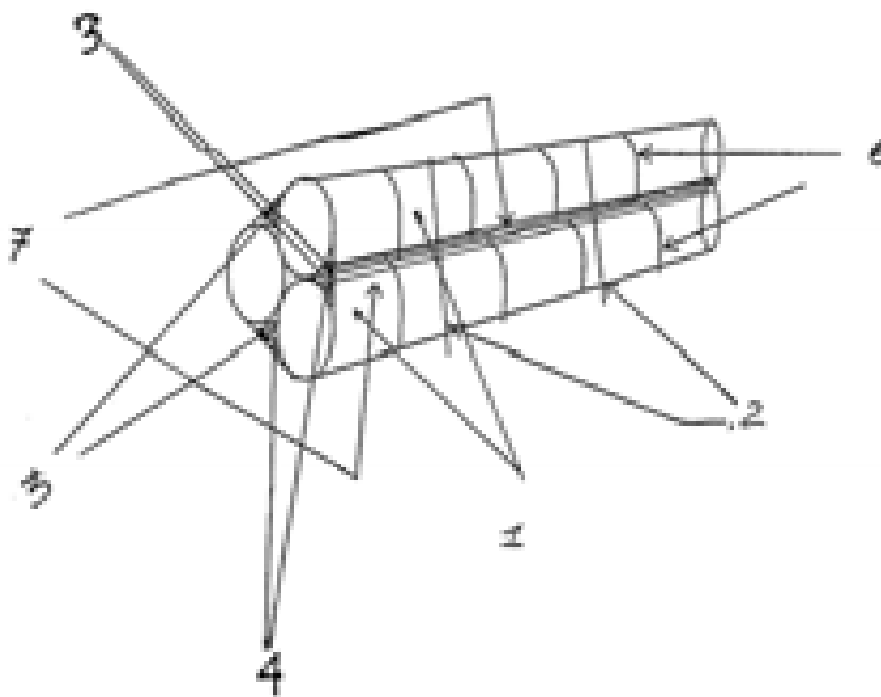
Nhà 2 ngõ 532 đường Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội

(54) **VẬT LIỆU LÀM TỪ TRE CÓ SỨC NỔI**

(57) Sáng chế đề cập đến vật liệu làm từ tre có sức nổi được tạo ra bằng cách dùng dây kim loại buộc các cây tre, tạo ra khe hở giữa chúng, dùng các thanh tre chêm chặt khoảng trống giữa chúng, nhằm tăng độ cứng của chúng. Nhựa epoxy, không những được lấp đầy các khe hở giữa các cây tre và thanh tre, mà còn phủ lên toàn bộ bề mặt vật liệu để tạo ra một vật liệu có kết cấu vững chắc, cố định tỷ trọng nhỏ hơn 1

Sáng chế cũng đề cập đến quy trình lắp ghép các vật liệu theo từng công đoạn để tạo ra vật liệu làm từ tre có sức nổi, tỷ trọng nhỏ hơn 1, không bị mối, mọt trong thời gian ngắn, đáp ứng yêu cầu sử dụng, dùng để tạo dụng cụ nổi: phao, nhà nổi, thuyền, . . .

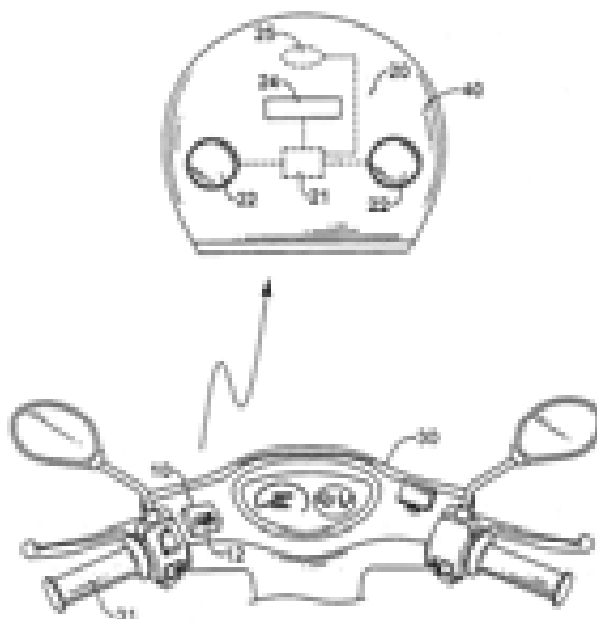
Bản chất của vật liệu làm từ tre có sức nổi là dùng nhựa epoxy bảo vệ cây tre, có tỷ trọng nhỏ hơn 1 để đáp ứng yêu cầu sử dụng.



PHẦN I

**GIẢI PHÁP HỮU ÍCH ĐƯỢC CẤP BẰNG ĐỘC QUYỀN  
GIẢI PHÁP HỮU ÍCH**

- (11) **2-0000681**
- (15) 31.01.2008 (51)<sup>7</sup> **A42B 3/30**, B60Q 1/34
- (21) 2-2006-00151 (22) 07.08.2006
- (45) 25.03.2008 240 (43) 25.10.2006 223
- (76) PO-CHIEN CHUANG (TW)  
No. 36-1, Alley 182, Lane 40, Dawan Rd., Yongkang City, Tainan Hsien, Taiwan
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **THIẾT BỊ CHỈ BÁO HƯỚNG DẪNG CHO MŨ BẢO HIỂM**
- (57) Giải pháp hữu ích đề cập đến thiết bị chỉ báo hướng dẫn cho mũ bảo hiểm có bộ phận điều khiển bằng tay và một cụm đèn. Bộ phận điều khiển bằng tay được làm thích ứng với xe hai bánh và có một ắc quy, công tắc điều khiển là công tắc nhiều nấc và có nấc không, và bộ phận điều khiển được nối điện với công tắc điều khiển và phát tín hiệu điều khiển vô tuyến tương ứng khi công tắc điều khiển bật ra khỏi nấc không. Cụm đèn được làm thích ứng với mũ bảo hiểm và có ắc quy, các đèn xi nhan báo rẽ và có mạch dẫn động được nối điện với các đèn xi nhan báo rẽ và thu tín hiệu điều khiển vô tuyến tương ứng để bật đèn xi nhan báo rẽ. Bộ phận điều khiển bằng tay có thể được lắp một cách thuận tiện và độc lập bởi người sử dụng và thiết bị chỉ báo hướng có thể được làm thích ứng với xe đạp hoặc các xe hai bánh khác không có mạch điện.





- (11) **2-0000682**
- (15) 31.01.2008 (51)<sup>7</sup> **D01D 5/08**
- (21) 2-2007-00104 (22) 23.09.2005
- (67) 1-2005-01332
- (45) 25.03.2008 240 (43) 26.03.2006 216
- (73) GREEN MATERIAL CORPORATION (TW)  
No. 24, Shin-yi Rd., An-ping Dist., Tainan City, Taiwan
- (72) Hu Yao-Chung (CN)
- (74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT SỢI TỪ PHẾ LIỆU NÓNG CHẢY**
- (57) Phương pháp sản xuất các sợi từ phế liệu nóng chảy bao gồm các bước làm nóng chảy phế liệu trong thiết bị nấu chảy thành chất lỏng nóng chảy có nhiệt độ cao (5), xả chất lỏng nóng chảy có nhiệt độ cao (5) ra khỏi thiết bị nấu chảy, và kéo sợi chất lỏng nóng chảy có nhiệt độ cao (5) để tạo thành các sợi chất rắn (8; 81). Các sợi chất rắn có các đặc tính chịu lửa rất tốt và do đó có thể được sử dụng làm các vật liệu chịu lửa.

- (11) **2-0000683**
- (15) 31.01.2008 (51)<sup>7</sup> **A21D 13/00**, A23L 1/00, A47J 37/06
- (21) 2-2003-00120 (22) 17.12.2003
- (45) 25.03.2008 240 (43) 25.05.2004 194
- (73) **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THƯỜNG MẠI ĐẠI PHÁT (VN)**  
Số 32, Đường số 6, KCN Sóng Thần II, Dĩ An, Bình Dương
- (72) Phạm Thị Đài Trang (VN), Hsu, Yu Lin (TW)
- (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DẠNG TỔ CHIM**
- (57) Giải pháp hữu ích đề cập đến lĩnh vực chế biến thực phẩm, cụ thể đề cập đến phương pháp và thiết bị chế biến thực phẩm theo hình dạng mong muốn, như dạng tổ chim chẳng hạn. Phương pháp này bao gồm các bước trộn dịch lỏng với nguyên liệu thực phẩm dạng sợi thành một khối hỗn hợp thực phẩm dạng sợi; cán khối hỗn hợp thực phẩm dạng sợi thành thực phẩm dạng tấm; tạo hình dạng tổ chim cho thực phẩm bằng cách đưa thực phẩm dạng tấm nêu trên vào bộ khuôn có hình dạng định trước; và nung nóng thực phẩm đã được tạo dạng tổ chim nói trên ở nhiệt độ thích hợp cho tới khi thu được thành phẩm. Phương pháp này được thực hiện nhờ bộ khuôn cải tiến bao gồm khuôn trong và khuôn ngoài. Các thực phẩm được chế biến theo giải pháp hữu ích hợp vệ sinh và đạt yêu cầu về thẩm mỹ.

(11) **2-0000684**

(15) 14.02.2008

(21) 2-2005-00198

(45) 25.03.2008 240

(76) CHANG, Jung-Ti (TW)

8F, No. 180, Linsen 2nd Rd., Lingya District, Kaohsiung City 802, Taiwan

(74) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(54) **KẾT CẤU CỬA CHÓP**

(57) Giải pháp hữu ích đề cập đến kết cấu cửa chớp, bao gồm các khung và các lá chớp. Các khung có hai tấm bên nằm ở hai phía của nó và có các tấm ốp hình chữ V ngược nằm bên trong khung ở các khoảng cách bằng khoảng rộng ở giữa. Ngoài ra, các lá chớp rỗng có các phân hình tam giác ở phía trên và phân hình chữ V ngược ở phía dưới của nó. Chiều cao và hình dáng của các lá chớp khiến cho các lá chớp và các phân rỗng của các khung có thể ghép nối với nhau. Nhờ đó, kết cấu cửa chớp theo giải pháp hữu ích được ghép nối nhanh, chắc chắn và dễ dàng mà người ngoài không thể nhìn vào bên trong nhà tắm hoặc nước không chảy ra ngoài nhà tắm, khiến cho nó tiện lợi và có hiệu quả.

(51)<sup>7</sup> **E06B 7/08**

(22) 03.11.2005

(43) 27.11.2006 224

